

**Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ
FWD Việt Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025



Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 21

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam (“Công ty”) là công ty con thuộc 100% sở hữu của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD (Bermuda), thuộc Tập đoàn FWD. Công ty được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 47GP/KDBH do Bộ Tài chính (“BTC”) cấp vào ngày 23 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 47/GPĐC22/KDBH ngày 24 tháng 7 năm 2023.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm tai nạn và sức khỏe, kinh doanh tái bảo hiểm, quản lý quỹ, tiến hành hoạt động đầu tư và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Địa điểm kinh doanh và mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 11, Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty có một (1) chi nhánh tại Tầng 20, VCCI Tower, 9 Đào Duy Anh, Phường Kim Liên, Hà Nội và một (1) văn phòng đại diện tại F.Home Building, 16 Lý Thường Kiệt, Phường Hải Châu, Đà Nẵng và mười lăm (15) văn phòng kinh doanh.



Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phương Tiên Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2025

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 06 năm 2025

B01-DNNT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)		8.862.500.096.292	6.426.007.677.743
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	449.555.017.847	529.441.010.511
111	1. Tiền		397.343.299.275	507.895.646.629
112	2. Các khoản tương đương tiền		52.211.718.572	21.545.363.882
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn	5	7.095.293.403.344	4.340.634.238.001
121	1. Đầu tư ngắn hạn		7.095.293.403.344	4.340.634.238.001
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	1.288.115.754.725	1.541.823.124.833
131	1. Phải thu của khách hàng		544.050.676.398	1.005.532.760.282
131.1	1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		544.050.676.398	1.005.532.760.282
132	2. Trả trước cho người bán		19.824.388.691	8.200.119.288
133	3. Phải thu nội bộ		835.597.840	3.260.381.673
135	4. Các khoản phải thu khác		855.068.035.400	651.158.272.038
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(131.662.943.604)	(126.328.408.448)
140	IV. Hàng tồn kho		1.004.095.399	1.015.700.309
141	1. Hàng tồn kho		1.004.095.399	1.015.700.309
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		28.531.824.977	13.093.604.089
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		28.531.824.977	13.093.604.089
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)		13.857.160.256.531	15.521.299.845.444
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		305.746.151.091	359.185.029.238
218	1. Phải thu dài hạn khác	7	305.746.151.091	359.185.029.238
218.1	1.1 Ký quỹ bảo hiểm		30.000.000.000	30.000.000.000
218.2	1.2 Phải thu dài hạn khác		275.746.151.091	329.185.029.238
220	II. Tài sản cố định		58.551.051.528	73.768.136.994
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	38.081.575.598	46.217.498.211
222	Nguyên giá		163.997.709.418	170.377.026.421
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(125.916.133.820)	(124.159.528.210)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	20.469.475.930	27.258.138.783
228	Nguyên giá		121.772.086.882	120.392.686.882
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(101.302.610.952)	(93.134.548.099)
230	3. Xây dựng cơ bản dở dang	10	-	292.500.000
250	III. Các khoản đầu tư dài hạn	11	8.005.993.466.487	9.320.895.104.443
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
258	2. Đầu tư dài hạn khác		8.005.993.466.487	9.320.895.104.443
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		5.486.869.587.425	5.767.451.574.769
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	5.486.869.587.425	5.767.451.574.769
270	TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		22.719.660.352.823	21.947.307.523.187

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 06 năm 2025

B01-DNNT

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)		8.798.735.431.195	8.120.338.000.967
310	I. Nợ ngắn hạn		1.215.867.661.019	1.410.388.379.547
312	1. Phải trả cho người bán	13	515.794.600.551	568.030.983.944
312.1	1.1 Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		480.314.358.130	539.313.014.984
312.2	1.2 Phải trả khác cho người bán		35.480.242.421	28.717.968.960
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	11.035.485.889	16.618.085.886
315	3. Phải trả nhân viên		51.949.802.850	70.320.785.082
316	4. Chi phí phải trả	15	564.354.660.887	510.585.070.582
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.1	28.388.331.815	180.363.210.611
319.1	6. Phí bảo hiểm tạm thu, doanh thu chưa thực hiện	16.2	44.344.779.027	64.470.243.442
330	II. Nợ dài hạn		7.582.867.770.176	6.709.949.621.420
337	1. Dự phòng phải trả dài hạn	17	9.968.744.662	10.658.562.487
344	2. Dự phòng nghiệp vụ	18	7.572.899.025.514	6.699.291.058.933
344.1	2.1 Dự phòng toán học		6.741.059.435.210	5.907.227.886.089
344.2	2.2 Dự phòng phí chưa được hưởng		276.431.731.806	277.935.700.548
344.3	2.3 Dự phòng bồi thường		281.571.717.846	260.018.196.362
344.4	2.4 Dự phòng chia lãi		240.877.389.526	224.167.897.191
344.5	2.5 Dự phòng bảo đảm cân đối		17.625.087.286	16.676.042.847
344.7	2.6 Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu		15.333.663.840	13.265.335.896
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	19	13.920.924.921.628	13.826.969.522.220
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu		13.920.924.921.628	13.826.969.522.220
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		19.102.000.000.000	19.102.000.000.000
416	2. Quỹ dự trữ bắt buộc		87.244.182.066	82.546.412.096
421	3. Lỗ lũy kế		(5.268.319.260.438)	(5.357.576.889.876)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(5.357.576.889.876)	(6.091.450.630.865)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		89.257.629.438	733.873.740.989
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		22.719.660.352.823	21.947.307.523.187



Đinh Thị Quỳnh Giang
Kế toán trưởng



Phượng Tiên Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 08 năm 2025

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B02-DNNT

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
10	1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	2.194.442.133.297	1.960.493.552.789
12	2. Doanh thu hoạt động tài chính	457.762.480.535	404.021.639.588
13	3. Thu nhập khác	51.247.633.021	365.551.450.731
20	4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(1.350.740.891.459)	(1.155.413.190.891)
22	5. Chi phí hoạt động tài chính	(8.123.822.056)	(6.802.480.904)
23	6. Chi phí bán hàng	(763.788.399.702)	(661.554.915.656)
24	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(483.182.207.185)	(459.783.376.618)
25	8. Chi phí khác	(3.661.527.043)	(155.766.616.287)
50	9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 + 13 + 20 + 22 + 23 + 24 + 25)	93.955.399.408	290.746.062.751
51	10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
60	11. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51)	93.955.399.408	290.746.062.751

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B02-DNNT

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.3)	20	2.292.801.336.065	2.053.176.186.565
01.1	Phí bảo hiểm gốc	20	2.291.297.367.323	2.032.120.278.100
01.3	Tăng dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc	18,20	1.503.968.742	21.055.908.465
02	2. Phí nhượng tái bảo hiểm	21	(104.930.887.572)	(100.985.836.934)
03	3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 + 02)		2.187.870.448.493	1.952.190.349.631
04	4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		6.571.684.804	8.303.203.158
04.1	Thu nhập từ hoa hồng nhượng tái		6.571.684.804	8.303.203.158
10	5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)		2.194.442.133.297	1.960.493.552.789
11	6. Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	22	(320.179.418.112)	(370.266.175.484)
12	7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	22	61.674.475.932	78.946.464.596
13	8. Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	18,22	(875.111.935.323)	(597.237.691.095)
15	9. Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (15 = 11 + 12 + 13)	22	(1.133.616.877.503)	(888.557.401.983)
16	10. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (16 = 16.1 + 16.2)	23	(217.124.013.956)	(266.855.788.908)
16.1	Chi hoa hồng bảo hiểm		(215.705.573.925)	(265.571.356.882)
16.2	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.418.440.031)	(1.284.432.026)
17	11. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 15 + 16)		(1.350.740.891.459)	(1.155.413.190.891)
18	12. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 10 + 17)		843.701.241.838	805.080.361.898
22	13. Doanh thu hoạt động tài chính	24	457.762.480.535	404.021.639.588
23	14. Chi phí hoạt động tài chính	25	(8.123.822.056)	(6.802.480.904)
24	15. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (24 = 22 + 23)		449.638.658.479	397.219.158.683
25	16. Chi phí bán hàng	26	(763.788.399.702)	(661.554.915.656)
26	17. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(483.182.207.185)	(459.783.376.618)
30	18. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 18 + 24 + 25 + 26)		46.369.293.430	80.961.228.307

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B02-DNNT

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
31	19. Thu nhập khác	28	51.247.633.021	365.551.450.731
32	20. Chi phí khác	28	(3.661.527.043)	(155.766.616.287)
40	21. Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32)		47.586.105.978	209.784.834.444
50	22. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		93.955.399.408	290.746.062.751
51	23. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
60	24. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51)		93.955.399.408	290.746.062.751

Đinh Thị Quỳnh Giang
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2025



Phương Tiến Minh
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B03-DNNT

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế TNDN		93.955.399.408	290.746.062.751
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao, hao mòn tài sản cố định	8,9	17.806.415.687	21.125.967.371
03	Thay đổi dự phòng và dự phòng nghiệp vụ		878.252.683.912	584.459.473.551
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		28.018.765	-
05	Thu nhập từ hoạt động đầu tư tài chính		(451.854.160.630)	(363.803.570.175)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		538.188.357.142	532.527.933.498
09	Giảm các khoản phải thu		517.409.516.577	334.505.892.856
10	Giảm hàng tồn kho		11.604.910	124.997.000
11	(Giảm)/Tăng các khoản phải trả		(194.548.737.293)	11.229.389.077
12	Giảm chi phí trả trước		265.143.766.456	273.760.898.789
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(143.508.743.368)	(97.434.358.400)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		982.695.764.424	1.054.714.752.820
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang		(6.250.857.504)	(8.993.542.580)
23	Tiền chi mua các khoản đầu tư		(3.404.787.569.634)	(9.257.852.227.199)
24	Tiền thu do bán và đáo hạn các khoản đầu tư		2.124.897.789.198	7.604.110.607.181
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia		223.558.880.852	456.581.175.406
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.062.581.757.088)	(1.206.153.987.192)

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B03-DNNT

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
40	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)		(79.885.992.664)	(151.439.234.372)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		529.441.010.511	605.494.835.809
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	4	449.555.017.847	454.055.601.437



Đinh Thị Quỳnh Giang
 Kế toán trưởng



Phùng Tiên Minh
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh. Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2025

Công Ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B09-DNNT

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam (“Công ty”) là công ty con thuộc 100% sở hữu của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD (Bermuda), thuộc Tập đoàn FWD. Công ty được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 47GP/KDBH do Bộ Tài chính (“BTC”) cấp vào ngày 23 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 47/GPĐC22/KDBH ngày 24 tháng 7 năm 2023.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm tai nạn và sức khỏe, kinh doanh tái bảo hiểm, quản lý quỹ, tiến hành hoạt động đầu tư và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 19.102 tỷ VND (tại 31 tháng 12 năm 2024: 19.102 tỷ VND).

Địa điểm kinh doanh và mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 11, Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty có một (1) chi nhánh tại Tầng 20, VCCI Tower, 9 Đào Duy Anh, Phường Kim Liên, Hà Nội, một (1) văn phòng đại diện tại F.Home Building, 16 Lý Thường Kiệt, Phường Hải Châu, Đà Nẵng và mười lăm (15) văn phòng kinh doanh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1 ***Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do BTC ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1).
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2).
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3).
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4), và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công Ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B09-DNNT

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chứng từ.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm (bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 30 tháng 6).

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng VND	386.815.632.816 386.815.632.816	499.071.440.964 499.071.440.964
Các khoản tương đương tiền (*) VND	52.211.718.572 52.211.718.572	21.545.363.882 21.545.363.882
Tiền đang chuyển	10.527.666.459	8.824.205.665
	449.555.017.847	529.441.010.511

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc nhỏ hơn hoặc bằng ba (3) tháng.

Công Ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B09-DNNT

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền gửi ngắn hạn (i)	6.093.654.632.619	3.596.449.043.077
Các khoản đầu tư thuộc quỹ liên kết đơn vị	825.275.406.304	576.664.837.964
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	536.088.745.701	375.915.291.725
<i>Trái phiếu doanh nghiệp</i>	233.142.743.738	195.749.546.239
<i>Tiền gửi ngắn hạn(i)</i>	56.043.916.865	5.000.000.000
Tạm ứng từ giá trị hoàn lại	95.677.392.734	86.834.385.273
Chứng chỉ Quỹ	80.685.971.687	80.685.971.687
	7.095.293.403.344	4.340.634.238.001

(i) Tiền gửi ngắn hạn là các hợp đồng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và có thời gian đáo hạn còn lại dưới một (1) năm tại thời điểm báo cáo.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải thu của khách hàng	544.050.676.398	1.005.532.760.282
Phí bảo hiểm phải thu	399.779.045.829	839.321.832.007
<i>Từ khách hàng</i>	395.505.653.832	834.877.369.010
<i>Từ người thu hộ</i>	4.273.391.997	4.444.462.997
Phải thu từ hoạt động nhượng tái	144.271.630.569	166.210.928.275
Trả trước cho người bán	19.824.388.691	8.200.119.288
Phải thu nội bộ	835.597.840	3.260.381.673
Các khoản phải thu khác	855.068.035.400	651.158.272.038
Lãi dự thu từ hoạt động đầu tư	618.733.991.530	404.018.271.985
Phải thu đại lý	231.678.561.307	229.940.368.578
Lãi dự thu từ tạm ứng từ giá trị hoàn lại	2.235.306.740	1.884.021.807
Phải thu cổ tức	1.143.828.000	613.029.000
Phải thu khác	1.276.347.823	14.702.580.668
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(131.662.943.604)	(126.328.408.448)
	1.288.115.754.725	1.541.823.124.833

Công Ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B09-DNNT

7. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND
Ký quỹ bảo hiểm (i)	30.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	275.746.151.091	329.185.029.238
<i>Lãi dự thu từ hoạt động đầu tư</i>	243.965.147.527	302.184.335.411
<i>Tạm ứng cho Tổng đại lý</i>	3.960.000.000	1.200.000.000
<i>Khác</i>	27.821.003.564	25.800.693.827
	305.746.151.091	359.185.029.238

(i) Ký quỹ bảo hiểm là khoản tiền ký quỹ được tính trên 2% vốn điều lệ tối thiểu theo quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 và Nghị định 46/2023/NĐ-CP.

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Máy tính và các thiết bị khác VND</i>	<i>Nội thất và chi phí lắp đặt VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	130.763.158.729	39.613.867.692	170.377.026.421
Mua trong kỳ	3.802.575.000	1.361.382.504	5.163.957.504
Thanh lý	(7.084.755.117)	(4.458.519.390)	(11.543.274.507)
Tại ngày 30/06/2025	127.480.978.612	36.516.730.806	163.997.709.418
Trong đó:			
<i>Đã khấu hao hết</i>	57.060.902.013	17.949.006.137	75.009.908.150
Khấu hao lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2025	(95.909.950.038)	(28.249.578.172)	(124.159.528.210)
Khấu hao trong kỳ	(7.666.722.204)	(1.971.630.630)	(9.638.352.834)
Thanh lý	5.532.786.462	2.348.960.762	7.881.747.224
Tại ngày 30/06/2025	(98.043.885.780)	(27.872.248.040)	(125.916.133.820)
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	34.853.208.691	11.364.289.518	46.217.498.209
Tại ngày 30/06/2025	29.437.092.832	8.644.482.766	38.081.575.598

Công Ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B09-DNNT

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm máy tính VND</i>
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2025	120.392.686.882
Mua trong kỳ	1.086.900.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	292.500.000
Tại ngày 30/06/2025	121.772.086.882
<i>Trong đó</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	57.149.772.143
Hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2025	(93.134.548.099)
Hao mòn trong kỳ	(8.168.062.853)
Thanh lý	-
Tại ngày 30/06/2025	(101.302.610.952)
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2025	27.258.138.782
Tại ngày 30/06/2025	20.469.475.930

10. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	<i>30/06/2025 VND</i>	<i>31/12/2024 VND</i>
Phần mềm máy tính	-	292.500.000
	-	292.500.000

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	<i>30/06/2025 VND</i>	<i>31/12/2024 VND</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	5.096.704.759.451	6.628.201.444.901
Trái phiếu	2.909.288.707.036	2.692.693.659.542
	8.005.993.466.487	9.320.895.104.443

Công Ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B09-DNNT

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí dành cho các thiết bị Công nghệ thông tin loại nhỏ, thiết bị văn phòng loại nhỏ và phí trả trước của kênh Ngân hàng:

	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND
Chi phí khai thác bảo hiểm	5.479.324.773.440	5.756.874.636.454
Chi phí thiết bị văn phòng	829.463.339	1.705.777.627
Chi phí trả trước khác	6.715.350.646	8.871.160.688
	5.486.869.587.425	5.767.451.574.769

13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải trả hoa hồng bảo hiểm gốc	206.106.308.699	225.841.555.409
Phải trả nhượng tái bảo hiểm	181.173.303.193	195.675.854.248
Phải trả bồi thường và trả tiền bảo hiểm	93.034.746.238	117.795.605.327
Phải trả nhà cung cấp	35.480.242.421	28.717.968.960
	515.794.600.551	568.030.983.944

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp VND	Số cuối kỳ VND
Thuế thu nhập cá nhân – nhân viên & đối tượng khác	15.690.543.482	73.951.709.354	(80.035.232.554)	9.607.020.282
Thuế thu nhập cá nhân – đại lý	788.434.326	4.297.532.707	(4.355.688.367)	730.278.666
Các loại thuế khác	139.108.078	18.986.894.799	(18.427.815.936)	698.186.941
	16.618.085.886	97.236.136.860	(102.818.736.857)	11.035.485.889

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND
Chi phí cho kênh phân phối	447.865.729.559	418.819.420.971
Chi phí nhân viên	25.944.637.003	51.999.552.568
Chi phí dịch vụ từ bên liên quan (*)	51.704.106.779	2.957.642.658
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	11.735.744.581	541.668.394
Chi phí hoạt động khác	27.104.442.965	36.266.785.991
	564.354.660.887	510.585.070.582

(*) Bao gồm chi phí dịch vụ phần mềm, hỗ trợ nhân sự cho các dự án và hệ thống.

Công Ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B09-DNNT

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC. PHÍ BẢO HIỂM TẠM THU VÀ DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

16.1 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND
Chi phí dịch vụ từ bên liên quan (i)	27.536.119.152	162.511.826.647
Phí dịch vụ chuyên môn	467.500.002	275.400.000
Ký quỹ của đại lý	96.000.001	138.000.001
Khác	288.712.660	17.437.983.963
	28.388.331.815	180.363.210.611

(i) Bao gồm chi phí dịch vụ phần mềm, hỗ trợ nhân sự cho các dự án và hệ thống.

16.2 Phí bảo hiểm tạm thu, doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND
Phí bảo hiểm tạm thu	29.399.345.830	48.012.096.407
Phí bảo hiểm nhận trước	14.945.433.197	16.458.147.035
	44.344.779.027	64.470.243.442

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Số dự thể hiện dự phòng phải trả dài hạn cho chi phí sửa chữa các văn phòng đi thuê, chi phí này sẽ phát sinh nhằm khôi phục văn phòng về nguyên trạng ban đầu khi hợp đồng thuê chấm dứt.

18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	Số đầu kỳ VND	Thay đổi trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Dự phòng toán học	5.907.227.886.089	833.831.549.121	6.741.059.435.210
Dự phòng phí chưa được hưởng	277.935.700.548	(1.503.968.742)	276.431.731.806
Dự phòng bồi thường	260.018.196.362	21.553.521.484	281.571.717.846
Dự phòng chia lãi	224.167.897.191	16.709.492.335	240.877.389.526
Dự phòng bảo đảm cân đối	16.676.042.847	949.044.439	17.625.087.286
Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu	13.265.335.896	2.068.327.944	15.333.663.840
	6.699.291.058.933	873.607.966.581	7.572.899.025.514

Công Ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B09-DNNT

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ đã góp VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng cộng VND
Năm trước				
Số đầu năm	19.102.000.000.000	43.921.478.360	(6.091.450.630.865)	13.054.470.847.495
Lợi nhuận trong năm	-	-	772.498.674.725	772.498.674.725
Trích lập dự trữ bắt buộc	-	38.624.933.736	(38.624.933.736)	-
Số cuối năm	19.102.000.000.000	82.546.412.096	(5.357.576.889.876)	13.826.969.522.220
Năm nay				
Số đầu năm	19.102.000.000.000	82.546.412.096	(5.357.576.889.876)	13.826.969.522.220
Lợi nhuận trong năm	-	-	93.955.399.408.00	93.955.399.408
Trích lập dự trữ bắt buộc	-	4.697.769.970	(4.697.769.970)	-
Số cuối năm	19.102.000.000.000	87.244.182.066	(5.268.319.260.438)	13.920.924.921.628

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B09-DNNT

20. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	30/06/2025 VND	30/06/2024 VND
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	2.291.297.367.323	2.032.120.278.100
<i>Bảo hiểm Liên kết chung</i>	1.582.961.548.461	1.396.021.376.168
<i>Bảo hiểm Bán kèm</i>	519.717.169.735	446.200.453.190
<i>Bảo hiểm Liên kết đơn vị</i>	89.164.307.963	68.336.087.110
<i>Bảo hiểm Hỗn hợp</i>	88.952.564.664	101.792.150.832
<i>Bảo hiểm Sức khỏe</i>	3.796.996.000	9.825.579.000
<i>Bảo hiểm Tử kỳ</i>	6.677.607.600	9.920.563.900
<i>Bảo hiểm Trọn đời</i>	27.172.900	24.067.900
Tăng dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc	1.503.968.742	21.055.908.465
	2.292.801.336.065	2.053.176.186.565

21. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	30/06/2025 VND	30/06/2024 VND
Bảo hiểm Bán kèm	67.943.978.691	62.503.688.007
Bảo hiểm Liên kết chung	26.020.772.320	24.849.319.319
Bảo hiểm Liên kết đơn vị	6.307.262.391	6.724.797.705
Bảo hiểm Sức khỏe	1.848.529.750	3.475.400.258
Bảo hiểm Hỗn hợp	1.951.159.350	2.127.899.755
Bảo hiểm Tử kỳ	858.396.088	1.303.976.187
Bảo hiểm Trọn đời	788.982	755.703
	104.930.887.572	100.985.836.934

22. CHI BỒI THƯỜNG VÀ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

	30/06/2025 VND	30/06/2024 VND
Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	320.179.418.112	370.266.175.484
<i>Bảo hiểm Liên kết chung</i>	155.555.823.653	191.271.607.096
<i>Bảo hiểm Bán kèm</i>	116.493.633.704	115.315.177.478
<i>Bảo hiểm Hỗn hợp</i>	26.150.801.258	35.772.879.427
<i>Bảo hiểm Liên kết đơn vị</i>	15.723.048.196	19.874.815.063
<i>Bảo hiểm Sức khỏe</i>	6.254.101.301	7.283.109.420
<i>Bảo hiểm Tử kỳ</i>	2.010.000	748.587.000
<i>Bảo hiểm Trọn đời</i>	-	-
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(61.674.475.932)	(78.946.464.596)
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	875.111.935.323	597.237.691.095
	1.133.616.877.503	888.557.401.983

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B09-DNNT

23. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	30/06/2025 VND	30/06/2024 VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	215.705.573.925	265.571.356.882
Chi phí giám định giải quyết quyền lợi bảo hiểm	306.727.231	311.875.638
Chi khác về kinh doanh bảo hiểm gốc	1.111.712.800	972.556.388
	217.124.013.956	266.855.788.908

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	30/06/2025 VND	30/06/2024 (trình bày lại) VND
Lãi thu từ tiền gửi	335.632.680.011	275.352.285.021
Lãi thu từ đầu tư trái phiếu	82.162.437.341	76.861.082.644
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	42.188.304	-
Doanh thu từ các quỹ liên kết đơn vị		
<i>Lãi do đánh giá lại các khoản đầu tư</i>	16.678.401.459	28.888.762.131
<i>Lãi thu đầu tư trái phiếu</i>	10.190.158.611	8.955.182.694
<i>Cổ tức</i>	6.821.561.700	4.036.575.500
<i>Lãi thu từ tiền gửi</i>	2.383.619.651	727.577.022
<i>Lãi thu từ bán cổ phiếu</i>	1.885.206.442	7.476.633.762
Lãi thu từ tạm ứng từ giá trị hoàn lại	1.966.227.016	1.701.093.814
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	22.442.000
Thu từ bán khoản đầu tư	-	5.000
	457.762.480.535	404.021.639.588

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	30/06/2025 VND	30/06/2024 (trình bày lại) VND
Chi phí từ các quỹ liên kết đơn vị	88.852.212	46.243.418
<i>Lỗ từ bán trái phiếu và cổ phiếu</i>	88.852.212	46.243.418
Phí ủy thác và phí quản lý	4.672.590.427	3.499.944.889
Phân bổ phụ trội của trái phiếu	2.115.752.106	1.587.857.147
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.246.627.311	129.351.056
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.539.084.394
	8.123.822.056	6.802.480.904

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B09-DNNT

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	30/06/2025 VND	30/06/2024 (trình bày lại) VND
Chi quản lý cho các kênh phân phối	355.041.736.746	343.980.140.871
Chi phí quảng cáo bán hàng	345.023.026.674	262.285.973.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.628.516.010	26.431.572.662
Chi phí thuê. bảo dưỡng văn phòng và công cụ dụng cụ	3.670.657.777	9.253.501.404
Đào tạo và tuyển dụng đại lý	527.560.462	5.572.579.800
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.266.481.641	1.769.929.232
Chi phí khác	7.630.420.392	12.261.217.724
	763.788.399.702	661.554.915.656

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	30/06/2025 VND	30/06/2024 (trình bày lại) VND
Chi phí nhân viên	227.022.328.703	271.700.708.918
Chi phí dịch vụ từ bên liên quan	69.873.990.169	-
Chi phí thuê. bảo dưỡng văn phòng và công cụ dụng cụ	68.573.792.277	73.185.863.725
Các phúc lợi khác cho nhân viên	42.464.545.270	42.844.514.911
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	16.539.934.046	19.356.038.138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.389.184.802	16.612.825.566
Phí ngân hàng và phí giao dịch	13.061.676.318	12.826.022.555
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	5.334.535.156	6.973.141.058
Chi phí công tác	4.000.090.769	4.238.907.772
Chi phí khác	20.922.129.675	12.045.353.975
	483.182.207.185	459.783.376.618

28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	30/06/2025 VND	30/06/2024 VND
Thu nhập khác	51.247.633.021	365.551.450.731
Thu nhập từ các kênh phân phối	48.842.124.202	363.062.142.884
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	10.000.000
Thu nhập khác	2.405.508.819	2.479.307.847
Chi phí khác	(3.661.527.043)	(155.766.616.287)
Chi phí thanh lý tài sản cố định	(3.661.527.043)	-
Chi phí khác	-	(155.766.616.287)
	47.586.105.978	209.784.834.444

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B09-DNNT

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Đinh Thị Quỳnh Giang
Kế toán trưởng



Phùng Liên Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2025



